



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I/2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.166.975.814.858</b>	<b>895.883.571.797</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.909.263.184</b>	<b>23.649.265.677</b>
1. Tiền	111		2.909.263.184	23.649.265.677
1. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.140.989.721.944</b>	<b>832.455.973.290</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	991.981.363.648	724.357.490.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	153.987.381.582	106.988.960.644
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	11.679.522.105	18.005.275.704
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(16.658.545.391)	(16.895.753.291)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>4.801.762.991</b>	<b>21.539.387.746</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.801.762.991	21.539.387.746
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.275.066.739</b>	<b>8.238.945.084</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	8.184.038.112	8.238.945.084
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		91.028.627	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.030.873.898.231</b>	<b>1.021.191.820.076</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>221.517.125.607</b>	<b>222.897.215.016</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	139.688.972.956	140.495.565.016
- Nguyên giá	222		162.193.274.783	160.596.588.692
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.504.301.827)	(20.101.023.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	81.828.152.651	82.401.650.000
- Nguyên giá	228		82.401.650.000	82.401.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(573.497.349)	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>3.123.715.222</b>	<b>2.993.965.222</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.123.715.222	2.993.965.222
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>516.002.713.257</b>	<b>506.202.713.257</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		208.800.000.000	198.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		105.881.626.363	105.881.626.363
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		233.503.969.597	234.503.969.597
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.182.882.703)	(32.182.882.703)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>290.230.344.145</b>	<b>289.097.926.581</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	290.230.344.145	289.097.926.581
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.197.849.713.089</b>	<b>1.917.075.391.873</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.328.981.991.211</b>	<b>1.051.343.574.160</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.039.378.191.211</b>	<b>761.739.774.160</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	481.950.269.633	191.463.928.286
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	179.512.544.800	179.660.465.890
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.043.366.562	2.879.779.603
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	109.528.352	119.395.184
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	371.813.716.667	382.667.440.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.948.765.197	4.948.765.197
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>289.603.800.000</b>	<b>289.603.800.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	289.603.800.000	289.603.800.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>868.867.721.878</b>	<b>865.731.817.713</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>868.867.721.878</b>	<b>865.731.817.713</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.761.921.400	9.761.921.400
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		169.055.620.478	165.919.716.313
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		165.919.716.313	109.294.735.617
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.135.904.165	56.624.980.696
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.197.849.713.089</b>	<b>1.917.075.391.873</b>

Nguyễn Thị Thùy  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019		Quý I/2018		MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
			VND	VND	VND	VND	
				Lũy kế đến hết Quý I/2019	Lũy kế đến hết Quý I/2018		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	394.804.535.793	394.804.535.793	565.897.602.694	565.897.602.694	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		394.804.535.793	394.804.535.793	565.897.602.694	565.897.602.694	
4. Giá vốn hàng bán	11	23	390.017.419.935	390.017.419.935	542.087.787.979	542.087.787.979	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10+11)	20		4.787.115.858	4.787.115.858	23.809.814.715	23.809.814.715	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	11.248.379.823	11.248.379.823	595.470.645	595.470.645	
7. Chi phí tài chính	22	25	9.204.281.650	9.204.281.650	3.434.027.360	3.434.027.360	
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.680.308.745	8.680.308.745	10.763.704.795	10.763.704.795	
8. Chi phí bán hàng	25		67.341.657	67.341.657	5.367.187.189	5.367.187.189	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.084.942.767	2.084.942.767	2.177.251.639	2.177.251.639	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.678.929.607	4.678.929.607	13.426.819.172	13.426.819.172	
11. Thu nhập khác	31		1.282.622.513	1.282.622.513	24.987.875	24.987.875	
12. Chi phí khác	32		1.837.070.862	1.837.070.862	12.000.000	12.000.000	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(554.448.349)	(554.448.349)	12.987.875	12.987.875	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.124.481.258	4.124.481.258	13.439.807.047	13.439.807.047	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	988.577.093	988.577.093	2.692.465.209	2.692.465.209
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	3.135.904.165	3.135.904.165	10.747.341.838	10.747.341.838

  
Nguyễn Thị Thùy  
Người lập

  
Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

308  
: TY  
: AN  
: KH  
: INH  
: HA

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019	Quý I/2018
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.124.481.258</b>	<b>13.439.807.047</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.997.919.183	4.893.676.390
- Các khoản dự phòng	03		(237.207.900)	(7.842.655.800)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		411.799	(292.607.201)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		48.789.843	(251.470.752)
- Chi phí lãi vay	06		8.680.308.745	10.763.704.795
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>16.614.702.928</b>	<b>20.710.454.479</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(308.233.952.945)	22.468.464.239
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.737.624.755	27.772.581.106
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		290.313.592.746	18.755.449.906
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.077.510.592)	(4.829.054.317)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(8.680.308.745)	(10.736.492.105)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.810.029.455)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.864.118.692</b>	<b>74.141.403.308</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.227.196.091)	(1.226.409.071)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.272.727.273	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.075.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9.800.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.482.765	454.558.725
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.749.986.053)</b>	<b>9.303.149.654</b>
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		2.519.000.000	17.559.653.757
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.372.723.333)	(130.889.524.222)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(10.853.723.333)</b>	<b>(113.329.870.465)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2019	Quý I/2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(20.739.590.694)	(29.885.317.503)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.649.265.677	64.283.124.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(411.799)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>2.909.263.184</u>	<u>34.397.807.327</u>

Nguyễn Thị Thùy  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 693,299,280,000 đồng; tương đương 69,329,928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị trực thuộc</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	Hải Phòng	Sản xuất phân bón
Chi nhánh Công ty tại Quảng Bình	Quảng Bình	Thương mại và dịch vụ
Văn phòng đại diện Móng Cái	Quảng Ninh	Thương mại và dịch vụ

### 2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### 3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

#### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

#### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### ***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm

### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

#### Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

7306  
C TY  
HÃN  
ÁP KH  
BÌN  
TP. H

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/03/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.578.594.956	1.011.050.468
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.330.668.228	22.638.215.209
	<u><u>2.909.263.184</u></u>	<u><u>23.649.265.677</u></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	208.800.000.000	208.408.885.557	198.000.000.000	198.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	198.000.000.000	198.000.000.000	198.000.000.000	198.000.000.000
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	10.800.000.000	10.408.885.557	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	105.881.626.363	85.511.700.000	105.881.626.363	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	105.881.626.363	85.511.700.000	105.881.626.363	85.511.700.000
Đầu tư vào đơn vị khác	233.503.969.597	222.082.127.700	234.503.969.597	222.691.013.257
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	-	-	1.000.000.000	608.885.557
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	233.503.969.597	222.082.127.700	233.503.969.597	222.082.127.700
	<b>548.185.595.960</b>	<b>516.002.713.257</b>	<b>538.385.595.960</b>	<b>506.202.713.257</b>
				<b>(32.182.882.703)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/03/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cát Long	Hải Phòng	99,00%	99,00%	Sản xuất phân bón
Công ty Cổ phần Transworld QBV ICD	Hải Phòng	54,00%	54,00%	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải

**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/03/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất	Hà Nội	36,29%	36,29%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	119.383.471.590	96.304.016.189
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tân Bình Phú	141.040.914.588	141.040.914.588
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	391.342.962.349	183.984.157.749
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	253.244.454.791	192.700.798.791
Công ty SW Intertrade Trading	38.726.712.365	51.950.867.729
Các khoản phải thu khách hàng khác	48.242.847.965	58.376.735.187
	<b>991.981.363.648</b>	<b>724.357.490.233</b>

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Phát triển Phân bón Đình Vũ	39.744.933.691	-	64.765.883.691	-
Công ty TNHH Đầu tư và TMDV Việt Đức	-	-	13.261.000.000	-
Công ty CP đầu tư AFC	24.185.191.002	-	-	-
Công ty TNHH thương mại và sản xuất phân bón Lào Cai	56.680.000.000	-	-	-
Trả trước khác	33.377.256.889	-	28.962.076.953	-
	<b>153.987.381.582</b>	<b>-</b>	<b>106.988.960.644</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	590.915.494	-	437.299.058	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.229.965	-	-	-
Tạm ứng	60.200.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	9.513.800.000	-	17.335.000.000	-
Phải thu khác	1.513.376.646	-	232.976.646	-
	<b>11.679.522.105</b>	<b>-</b>	<b>18.005.275.704</b>	<b>-</b>

**10 . NỢ XẤU**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
<i>Công ty Cổ phần DAP2- Vinachem</i>	24.979.252.490	12.489.626.246	24.979.252.490	12.489.626.245
<i>Công ty Cổ phần Hóa chất Phúc Lâm</i>	4.465.825.912	2.232.912.956	4.540.241.712	2.270.120.856
<i>Đối tượng khác</i>	3.870.686.455	1.934.680.266	4.270.686.455	2.134.680.266
	<b>33.315.764.857</b>	<b>16.657.219.468</b>	<b>33.790.180.657</b>	<b>16.894.427.367</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.534.471	-	-	-
Hàng hoá	4.790.228.520	-	21.539.387.746	-
	<b>4.801.762.991</b>	<b>-</b>	<b>21.539.387.746</b>	<b>-</b>

**12 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	31/03/2019 VND	01/01/2019 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	3.123.715.222	2.993.965.222
Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	868.862.182	868.862.182
Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	2.254.853.040	2.125.103.040

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2019	137.594.892.833	795.705.721	20.275.782.571	1.930.207.567	-	160.596.588.692
Mua sắm	-	-	3.991.826.091	105.620.000	-	4.097.446.091
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.500.760.000)	-	-	(2.500.760.000)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>137.594.892.833</b>	<b>795.705.721</b>	<b>21.766.848.662</b>	<b>2.035.827.567</b>	<b>-</b>	<b>162.193.274.783</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2019	13.084.949.962	425.303.873	5.879.646.961	711.122.880	-	20.101.023.676
Trích khấu hao	2.893.527.761	10.710.825	453.259.374	66.923.874	-	3.424.421.834
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.021.143.683)	-	-	(1.021.143.683)
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>15.978.477.723</b>	<b>436.014.698</b>	<b>5.311.762.652</b>	<b>778.046.754</b>	<b>-</b>	<b>22.504.301.827</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2019	124.509.942.871	370.401.848	14.396.135.610	1.219.084.687	-	140.495.565.016
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>121.616.415.110</b>	<b>359.691.023</b>	<b>16.455.086.010</b>	<b>1.257.780.813</b>	<b>-</b>	<b>139.688.972.956</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 564.062.823 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Giá trị quyền sử dụng đất VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2019	82.401.650.000
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>82.401.650.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2019	-
Trích khấu hao	573.497.349
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>573.497.349</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2019	82.401.650.000
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>81.828.152.651</b>

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7.712.301.024	7.770.752.676
Công cụ dụng cụ xuất dùng	471.737.088	468.192.408
	<b>8.184.038.112</b>	<b>8.238.945.084</b>
<b>b) Chi phí trả trước dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	281.054.704.542	280.063.064.273
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	6.830.001.849	6.902.837.329
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.111.526.870	1.134.005.152
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.234.110.884	998.019.827
	<b>290.230.344.145</b>	<b>289.097.926.581</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***16 . PHẢI NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thái Dương	166.217.472.567	166.217.472.567	159.911.682.567	159.911.682.567
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Việt Đức	286.450.000.000	286.450.000.000	-	-
Fagro International Trading Fze	9.724.686.890	9.724.686.890	12.357.170.476	12.357.170.476
Các khoản phải trả khác	19.558.110.176	19.558.110.176	19.195.075.243	19.195.075.243
	<b>481.950.269.633</b>	<b>481.950.269.633</b>	<b>191.463.928.286</b>	<b>191.463.928.286</b>

**17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ông Bùi Tố Minh (Tiền đặt cọc mua cổ phần Vinachimex) (*)	85.511.700.000	85.511.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường Eco&More	94.000.000.000	94.000.000.000
Các khoản người mua ứng tiền trước khác	844.800	148.765.890
	<b>179.512.544.800</b>	<b>179.660.465.890</b>

(\*) Theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần số 03-2017/HĐ-ĐC ngày 14/12/2017 giữa Công ty và cá nhân ông Bùi Tố Minh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình sẽ chuyển nhượng 2.794.500 cổ phần tại Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa chất cho cá nhân Ông Bùi Tố Minh sau khi hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Số tiền nhận đặt cọc là toàn bộ giá trị giao dịch mua bán giữa 2 bên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	69.788.679	-	-	69.788.679	-	69.788.679	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	63.837.803	63.837.803	-	63.837.803	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.809.990.924	-	988.577.093	988.577.093	2.810.029.455	2.810.029.455	-	-	-	-	988.538.562
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	-	54.828.000	54.828.000	-	-	-	-	-	-	54.828.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	506.880.000	506.880.000	506.880.000	506.880.000	-	-	-	-	-
	-	<b>2.879.779.603</b>	-	<b>1.614.122.896</b>	<b>3.450.535.937</b>	<b>3.450.535.937</b>	<b>3.450.535.937</b>	-	-	-	-	<b>1.043.366.562</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Kinh phí công đoàn	71.835.352	-	92.295.184	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất nhập khẩu	37.693.000	-	27.100.000	-
Phải trả khác	-	-	-	-
	<b>109.528.352</b>	<b>37.693.000</b>	<b>119.395.184</b>	<b>27.100.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức <sup>(1)</sup>	358.266.400.000	358.266.400.000	2.519.000.000	8.981.483.333	351.803.916.667	351.803.916.667
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức <sup>(1)</sup>	185.800.000.000	185.800.000.000	-	7.000.000.000	178.800.000.000	178.800.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương - CN Hải Phòng	-	-	510.000.000	510.000.000	-	-
- NH TM CP Tiên Phong - CN Tô Hiệu	-	-	2.009.000.000	33.583.333	1.975.416.667	1.975.416.667
- Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - CN Hải Phòng <sup>(3)</sup>	49.500.000.000	49.500.000.000	-	-	49.500.000.000	49.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(4)</sup>	2.966.400.000	2.966.400.000	-	1.437.900.000	1.528.500.000	1.528.500.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng	24.401.040.000	24.401.040.000	-	4.391.240.000	20.009.800.000	20.009.800.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	374.640.000	374.640.000	-	374.640.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng	23.880.000.000	23.880.000.000	-	3.980.000.000	19.900.000.000	19.900.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng	146.400.000	146.400.000	-	36.600.000	109.800.000	109.800.000
<b>382.667.440.000</b>	<b>382.667.440.000</b>	<b>2.519.000.000</b>	<b>13.372.723.333</b>	<b>371.813.716.667</b>	<b>371.813.716.667</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính riêng  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong kỳ		31/03/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Công ty Cổ phần XNK Đức Nguyễn <sup>(5)</sup>	289.603.800.000	289.603.800.000	-	-	289.603.800.000	289.603.800.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(6)</sup>	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>(7)</sup>	149.420.000.000	149.420.000.000	-	-	149.420.000.000	149.420.000.000
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hải Phòng <sup>(8)</sup>	183.800.000	183.800.000	-	-	183.800.000	183.800.000
	<b>289.603.800.000</b>	<b>289.603.800.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>289.603.800.000</b>	<b>289.603.800.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***MÃ SỐ B 09-DN****21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018</b>					
Tại ngày 01/01/2018	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	109.294.735.617	809.106.837.017
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	10.747.341.838	10.747.341.838
<b>Tại ngày 31/03/2018</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>9.761.921.400</b>	<b>120.042.077.455</b>	<b>819.854.178.855</b>
<b>Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019</b>					
Tại ngày 01/01/2019	693.299.280.000	(3.249.100.000)	9.761.921.400	165.919.716.313	865.731.817.713
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.135.904.165	3.135.904.165
<b>Tại ngày 31/03/2019</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>9.761.921.400</b>	<b>169.055.620.478</b>	<b>868.867.721.878</b>
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>					
	31/03/2019	Tỷ lệ (%)		01/01/2019	Tỷ lệ (%)
	VND			VND	
Ông Nguyễn Thanh Bình	50.000.000.000	7,21%		50.000.000.000	7,21%
Bà Nguyễn Thị Hương	92.005.790.000	13,27%		92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	551.293.490.000	79,52%		551.293.490.000	79,52%
	<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>		<b>693.299.280.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019	Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp đầu kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000
- Vốn góp cuối kỳ	693.299.280.000	693.299.280.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- Cổ phiếu phổ thông	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.761.921.400	9.761.921.400
	<b>9.761.921.400</b>	<b>9.761.921.400</b>

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	390.933.478.566	546.384.001.068
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.871.057.227	19.513.601.626
	<b>394.804.535.793</b>	<b>565.897.602.694</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý 1/2019	Quý 1/2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	384.097.174.389	524.650.420.268
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.920.245.546	17.437.367.711
	<b>390.017.419.935</b>	<b>542.087.787.979</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1/2019</u>	<u>Quý 1/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	158.099.201	251.470.752
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	10.856.637.523	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	233.643.099	51.392.692
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	292.607.201
	<u><b>11.248.379.823</b></u>	<u><b>595.470.645</b></u>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Quý 1/2019</u>	<u>Quý 1/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.680.308.745	10.763.704.795
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	119.648.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	523.561.106	393.330.365
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	411.799	
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	-	(7.842.655.800)
	<u><b>9.204.281.650</b></u>	<u><b>3.434.027.360</b></u>

37308,  
NG TY  
PHÂN  
HẬP K  
NG BÌN  
G-TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 31/03/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**26 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018 đã được lập bởi Công ty.

Nguyễn Thị Thùy  
Người lập

Bùi Thị Ngọc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số:0104/2019/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
\*\*\*\*\*00\*\*\*\*\*

Hải Phòng, ngày 25 tháng 04 năm 2019

**Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam**  
**- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.
- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC quý I/2019 như sau:

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD của Công ty đạt 3,135 tỷ đồng, giảm 7,611 tỷ đồng so với quý I/2018.

Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý I/2019 của Công ty đạt 394,804 tỷ đồng, giảm 171,093 tỷ đồng tương ứng giảm 30,23% so với quý I/2018. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 10,652 tỷ đồng so với quý I/2018. Thu nhập khác tăng 1,257 tỷ đồng so với quý I/2018.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 152,070 tỷ đồng, tương ứng giảm 28,05% so với Quý I/2018. Chi phí tài chính tăng 5,770 tỷ đồng tương ứng tăng 168,03% so với quý I/2018. Chi phí khác tăng 1,825 tỷ so với quý I/2018. Lợi nhuận khác giảm 0,567 tỷ đồng.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý I/2019 giảm 7,611 tỷ đồng tương ứng giảm 70,82% so với quý I/2018.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý I/2019 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thị Thanh Hương*

